

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2017/DSST

Ngày: 20-9-2017

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hải;

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20-9-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2017/TLST - DS ngày 15-5-2017, về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 76/2017/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2017/QĐST-DS ngày 25-8-2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1964;

Địa chỉ: tổ 2, ấp T, xã H, TP. C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nga là bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960; Địa chỉ: số 33-35, Lê Văn T, tổ 3, khóm 7, phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2017).

- Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 166, tổ 4, ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 24-11-2016, chị T có vay của bà N số tiền 15.000.000 đồng, có biên nhận nợ, hình thức tiền góp trong 57 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, tính từ ngày 25-11-2016 đến ngày 20-01-2017, phải góp tổng cộng số tiền là 17.100.000 đồng. Chị T có góp cho bà N được 5 ngày, từ ngày 25-11-2016 đến ngày 29-11-2016, thành tiền là 1.500.000 đồng.

Ngày 29-11-2016, chị T có vay của bà N số tiền 5.000.000 đồng, có biên nhận nợ, hình thức tiền góp trong 57 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng, tính từ ngày 30-11-2016 đến ngày 15-01-2017, phải góp tổng cộng số tiền là 5.700.000 đồng. Chị T chưa trả góp cho bà N số tiền này.

Tổng cộng, chị T vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng (15.000.000 đồng +

5.000.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bà N không yêu cầu chị T trả góp mà yêu cầu chị T trả cho bà N số tiền vốn 20.000.000 đồng trừ vào số tiền chị Thuý đã trả là 1.500.000 đồng, còn lại số tiền là 18.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Nguyễn Thanh T vắng mặt không có văn bản ý kiến, không giao nộp chứng cứ.

- Về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: Biên nhận mượn tiền ngày 24-11-2016 và ngày 29-11-2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì số tiền hai bên tranh chấp là tiền vay và làm biên nhận vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về tố tụng:

- Bị đơn có địa chỉ tại thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với chị Nguyễn Thanh T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thanh T.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn theo ủy quyền yêu cầu chị Nguyễn Thanh T trả số tiền còn thiếu tiền còn thiếu là 18.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào các biên nhận mượn tiền ngày 24-11-2016 và ngày 29-11-2016 thể hiện số tiền chị T có mượn bà N là 20.000.000 đồng. Mặt khác, kể từ khi làm biên nhận nợ đến nay chị không có chứng cứ gì để chứng minh là mình đã có trả vốn và lãi cho bà N mà phía bà N chỉ thừa nhận có nhận số tiền 1.500.000 đồng. Do đó, yêu cầu của Lê Thị Huỳnh N là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Đối với chị Nguyễn Thanh T không có văn bản ý kiến nhưng căn cứ vào các nhận định nêu trên thì chị T phải có nghĩa vụ cho bà N số tiền 18.500.000 đồng là mới phù hợp.

[4] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy phù hợp nên tính lãi suất chậm trả theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật là 925.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147; Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị Huỳnh N.
- Buộc chị Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Huỳnh N số tiền vay còn thiếu là 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm ngàn đồng).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về án phí:**

- Bà Lê Thị Huỳnh N không phải chịu án phí dân sự. Trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 462.500 đồng theo biên lai thu số 08476 ngày 11-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Thanh T phải chịu số tiền 925.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tùng